

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 – 3 - 2019

“V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Nga.

+ Ông Trần Ngọc Vinh.

Thư ký tòa án: Ông Trần Tiến Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành,
tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
130/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, về “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX
HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị T, sinh năm: 1995; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã W, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Phan Nguyễn T1, sinh năm: 1988; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã Y, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2018, bản tự khai, phiên hòa
giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị T, trình bày:* Chị và anh Phan
Nguyễn T1 kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 26/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Y,
huyện E trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương. Sau khi cưới, vợ chồng
sống hạnh phúc một thời gian nhưng sau đó tình cảm vợ chồng thường xuyên
xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 sống không có trách nhiệm với
vợ con và không chung thủy. Vợ chồng đã sống ly thân từ khi sau khi chị T
sinh con cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T
xin ly hôn anh T1.

+ Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung, tên Phan Vũ T2, sinh ngày 01/8/2017 hiện tại đang sống với chị T; khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T2; yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: không có.

- Nợ chung: Không có.

* *Tại bản lấy lời khai ngày 22/01/2019 và phiên hòa giải anh Phan Nguyễn T1, trình bày:* Giữa anh và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị T có mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do chị T nghi ngờ anh T1 có quan hệ ngoại tình. Sau khi sinh con, chị T cùng với con sống ở nhà cha mẹ ruột tại xã W. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể hàn gắn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn nên anh T1 không đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có..

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:* Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị T và anh Phan Nguyễn T1. Giao cháu Phan Vũ T2, sinh ngày 01/08/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 không trợ cấp nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Võ Thị T phải chịu án phí DSST theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện E thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y vào năm 2017, theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp.

[3] Hội đồng xét xử thấy chị T và anh T1 kết hôn năm 2017, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T nghi ngờ anh T1 ngoại tình nên sau khi sinh con xong từ tháng 8/2017 chị T không quay trở về sinh sống với anh T1 nữa, anh T1 cũng đã đến đón chị T về nhà anh để sinh sống nhưng chị T không chấp nhận, từ đó mâu thuẫn của vợ chồng chị T anh T1 ngày càng trầm trọng. Nay chị T xin ly hôn, tại phiên tòa anh T1 đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh T1 theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung là cháu Phan Vũ T2, sinh ngày 01/08/2017 hiện nay đang sống cùng chị T, chị T có yêu cầu nuôi con khi ly hôn. Hội đồng xét xử thấy cháu T2 hiện nay dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cháu T2 cho chị T nuôi dưỡng giáo dục theo qui định tại khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh T1 trợ cấp nuôi con nên anh T1 không phải trợ cấp nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 56; Khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị và anh Phan Nguyễn T1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Vũ T2, sinh ngày 01/08/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không có trợ cấp nuôi con.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004288 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Các đương sự được có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Hải Nam